TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1411/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1042/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị M, sinh năm 1990;

Căn cước công dân: ********** do Bộ Công an cấp ngày 14/01/2025.

Địa chỉ thường trú: Thôn M, xã P, Thành phố Đ (xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q cũ).

Địa chỉ tạm trú: 53A, HT12, khu phố 29, phường T (phường H, quận 12 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Quốc V, sinh năm 1993;

Căn cước công dân: ********** do Cục trưởng Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 21/9/2022.

Địa chỉ thường trú: Ấp H, xã H (xã H, huyện V cũ), tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: 53A, HT12, khu phố 29, phường T (phường H, quận 12 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Lê Thị M và ông Trần Quốc V là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh V (nay là xã H, tỉnh V), cấp ngày 02/03/2020.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 09/10/2025; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25/11/2025; bà Lê Thị M và ông Trần Quốc V

yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: Bà M và ông V thỏa thuận giao con chung là Trần Lê Như Ý sinh ngày 28/5/2020 cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung là Trần Lê Như Q sinh ngày 24/03/2024 cho ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà M và ông V tự thỏa thuận không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Lê Thị M và ông Trần Quốc V tự nguyện ly hôn và thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ngày 25/11/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị M và Ông Trần Quốc V thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) cấp ngày 02/03/2020 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Lê Như Y, sinh ngày 28/5/2020 và Trần Lê Như Q, sinh ngày 24/03/2024. Bà M và ông V thỏa thuận giao con chung là Trần Lê Như Y cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung là Trần Lê Như Q cho ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà M và ông V thỏa thuận không yêu cầu cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà M, ông V chịu nhưng được cấn

trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0035007 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị M và Ông Trần Quốc V đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Khu vực 7 – Tp.HCM;
- Thi hành án Dân sự Tp.HCM;
- UBND xã H, tỉnh Vĩnh Long (để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 19 cấp ngày 02/03/2020);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Minh Thảo